TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/DS-ST
Ngày: 10-01-2025
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Ngọc Thu.

2. Ông Trần Quang Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 413/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 274/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S.

Trụ sở chính: Số B - B đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh V. (Theo quyết định số 3524/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023).

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Phú Q; Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ; trụ sở: Số C đường C, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (Giấy ủy quyền số 987/2024/UQ-CNVL ngày 03/10/2024). (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Ngọc T1, sinh năm: 1988; nơi cư trú: Số B, đường N, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Phú Q là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S trình bày như sau:

Ngày 09/12/2020, ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt là S1) và anh Phạm Ngọc T1 ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, số thẻ 356480-7199, lãi suất trong thời hạn áp dụng khi cấp thẻ là 2,6%/tháng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Khi phát sinh quá hạn, áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% (3,9%/tháng).

Quá trình sử dụng thẻ, anh T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 15/02/2024, ngân hàng đã tạm khóa quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 03/10/2024, anh T1 còn nợ số tiền là 30.437.734 đồng trong đó vốn gốc là 23.068.141 đồng, nợ lãi quá hạn 7.369.593 đồng.

Nay ngân hàng yêu cầu anh T1 phải trả cho ngân hàng toàn bộ tiền tính đến ngày 09/12/2024 là 32.575.235 đồng trong đó vốn gốc là 23.068.141 đồng, nợ lãi quá hạn 9.507.094 đồng. Kể từ ngày 10/12/2024, anh T1 còn phải chịu lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo hợp đồng thẻ tín dụng đã ký và buộc anh T1 chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Ngọc T1 đã được Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do; không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn Phạm Ngọc T1. Cụ thể: Ngân hàng yêu cầu anh Phạm Ngọc T1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 10/01/2025 số tiền tổng cộng là 33.596.131 đồng, trong đó nợ gốc 23.068.141 đồng, nợ lãi quá hạn 10.527.990 đồng. Kể từ ngày 11/01/2025, anh T1 còn phải chịu lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo hợp đồng thẻ tín dụng đã ký.

Bị đơn anh Phạm Ngọc T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn Phạm Ngọc T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu bị đơn Phạm Ngọc T1 trả nợ gốc lãi theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (áp dụng cho khách hàng cá nhân). Do đó đây là vụ án tranh chấp về "Hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự.

Bị đơn Phạm Ngọc T1 có nơi cư trú trên địa bàn thành phố V vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn Phạm Ngọc T1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là 33.596.131 đồng tính đến ngày 10/01/2025 (trong đó nợ gốc 23.068.141 đồng, nợ lãi quá hạn 10.527.990 đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng từ ngày 11/01/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Đối với khoản tiền nợ gốc: Hội đồng xét xử nhận thấy ngày 09/12/2020, anh Phạm Ngọc T1 ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với Ngân hàng S thỏa thuận hạn mức sử dụng thẻ là 20.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng anh T1 chưa thanh toán nghĩa vụ còn lại đến cuối kỳ (ngày 15/02/2024) với số tiền là 23.068.141 đồng cho Ngân hàng đã vi phạm các Điều 1.32, Điều 2.4, Điều 18, Điều 19, Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng S theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Đối với khoản tiền lãi: Đến ngày 10/01/2025 Ngân hàng S xác định anh Phạm Ngọc T1 còn nợ lãi nợ lãi quá hạn 10.527.990 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy giữa nguyên đơn và bị đơn đã tự nguyện thỏa thuận lãi suất và phí quy định tại Điều 23, Điều 24 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S2 tiếp tục tính lãi và phí phát sinh theo hợp đồng cho đến khi bị đơn trả hết nợ là có căn cứ đúng pháp luật phù hợp với quy định Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn anh Phạm Ngọc T1 phải chịu 1.680.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí là 761.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc bị đơn Phạm Ngọc T1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tổng cộng là 33.596.131 đồng tính đến ngày 10/01/2025 (trong đó nợ gốc 23.068.141 đồng, nợ lãi quá hạn 10.527.990 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/01/2025) bị đơn Phạm Ngọc T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

Buộc bị đơn Phạm Ngọc T1 phải chịu 1.680.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí là 761.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi mốt ngàn đồng) theo biên lai thu số N_0 0007378 nộp ngày 31/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân

sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TPVL;
- CCTHADS TPVL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Hải Châu